

THE PASSIVE SIMPLE TENSES 1

Câu bị động (Passive Voice) là câu mà trong đó chủ ngữ không thực hiện hành động mà ngược lại bị tác động bởi chủ thể, yếu tố khác.

Chúng ta sử dụng câu bị động khi chúng ta muốn nhấn mạnh vào hành động, tối tượng bị tác động bởi hành động mà không biết chủ thể là ai, hoặc không quan trọng chủ thể là ai.

Câu bị động được sử dụng khi bản thân chủ thể không tự thực hiện được hành động.

Thì của động từ ở câu bị động phải tuân theo thì của động từ ở câu chủ động. Câu chủ động ở dạng thì nào, chúng ta chia động từ "to be" theo đúng dạng thì đó. Chúng ta vẫn đảm bảo nguyên tắc chủ ngữ số nhiều, động từ TO BE được chia ở dạng số nhiều...



Ví dụ:

The cat drank the milk.

The milk was drunk.

Phân tích ví dụ:

Câu chủ động: **The cat drank the milk.** - **Con mèo đã uống hết sữa.** Ở đây, ta biết được chủ ngữ là The cat và câu chủ động này thể hiện rõ chủ thể là ai/ cái gì.

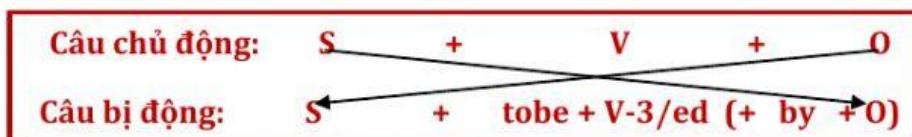
Câu bị động: **The milk was drunk.** - **Sữa bị uống hết rồi.** Trong câu này, đứa bé muốn nhấn mạnh là sữa của nó đã bị uống hết chứ không quan trọng hoặc thậm chí không biết đối tượng đã uống sữa của nó là ai.

Bản thân **the milk** không thể tự thực hiện hành động.

Câu chủ động ở thì Quá khứ đơn (**drank**), thì câu bị động cũng ở thì Quá khứ đơn (**was drunk**).

CẤU TRÚC CÂU BỊ ĐỘNG

A. CẤU TRÚC CHUNG



Lưu ý: Có thể bỏ *by me/ by him/ by her/ by it/ by us/ by you/ by them/ by someone/ by somebody/ by people* khi chuyển sang câu bị động.

Đặt trạng ngữ chỉ nơi chốn trước *by O*, trạng ngữ chỉ thời gian sau *by O*.

S + be + V-3/ed + địa điểm + by O + thời gian

Ví dụ:

Chủ động: I do my homework.

Tôi làm bài tập về nhà.

Bị động: The homework is done (by me).

Bài tập về nhà được làm (bởi tôi).

Chủ động: She will write a letter.

Cô ấy sẽ viết một bức thư.

Bị động: A letter will be written (by her).

Một bức thư sẽ được viết (bởi cô ấy).

Chủ động: They finished the project yesterday.

Họ kết thúc dự án này vào hôm qua.

Bị động: The project was finished yesterday (by them).

Dự án được kết thúc vào hôm qua (bởi họ).

B. CẤU TRÚC BỊ ĐỘNG VỚI CÁC THÌ ĐƠN

THÌ	THẾ	CHỦ ĐỘNG	BỊ ĐỘNG
Hiện tại đơn	Khẳng định	S + V(s/es) + O Ví dụ: <i>Mary studies English every day.</i>	S + is/am/are + V-3/ed + (by + O) Ví dụ: <i>English is studied by Mary every day.</i>
	Phủ định	S + do/ does + not + V (nguyên thể) + O Ví dụ: <i>Mary doesn't study English every day.</i>	S + is/am/are + not + V-3/ed + (by + O) Ví dụ: <i>English isn't studied by Mary every day.</i>
	Nghi vấn	(Wh/H +) do/ does + S + V (nguyên thể) + O Ví dụ: <i>Does Mary study English every day?</i>	(Wh/H +) is/am/are + S + V-3/ed + (by + O) Ví dụ: <i>Is English studied by Mary every day.</i>
Quá khứ đơn	Khẳng định	S + V-ed + O Ví dụ: <i>She wrote a letter yesterday.</i>	S + was/were + V-3/ed + (by + O) Ví dụ: <i>A letter was written (by her) yesterday.</i>
	Phủ định	S + did + not + V(nguyên thể) + O Ví dụ: <i>She didn't write a letter yesterday.</i>	S + was/were + not + V-3/ed + (by + O) Ví dụ: <i>A letter was not written (by her) yesterday.</i>
	Nghi vấn	(Wh/H +) Did + S + V(nguyên thể) + O Ví dụ: <i>Did she write a letter yesterday.</i>	(Wh/H +) was/were + S + V-3/ed + (by + O) Ví dụ: <i>Was a letter written (by her) yesterday?</i>
Tương lai đơn	Khẳng định	S + will + V (nguyên thể) + O Ví dụ: <i>She will do a lot of things tomorrow.</i>	S + will + be + V-3/ed + (by O) Ví dụ: <i>A lot of things will be done tomorrow.</i>
	Phủ định	S + will + not + V (nguyên thể) + O Ví dụ: <i>She will do a lot of things tomorrow.</i>	S + will + not + be + V-3/ed + (by O) Ví dụ: <i>A lot of things will not be done tomorrow.</i>
	Nghi vấn	(Wh/H +) Will + V (nguyên thể) + O Ví dụ: <i>Will she do a lot of things tomorrow.</i>	(Wh/H +) Will + S + be + V-3/ed + (by O) Ví dụ: <i>Will a lot of things be done tomorrow?</i>

***Lưu ý:** Tân ngữ của câu chủ động chỉ có thể làm chủ ngữ của công bị động khi nó là tân ngữ của động từ.

Ví dụ: *I caught a fish.* => *A fish* là tân ngữ của động từ *caught*.

He gives me a book. => *Cá me* và *a book* đều là tân ngữ của động từ *gives*.

The cat lied on the table. => *The table* là tân ngữ của giới từ *on* chứ không phải động động từ *lied*.

TASK 1: WRITE "A" IF THE SENTENCE IS IN ACTIVE VOICE AND "P" IF THE SENTENCE IS IN PASSIVE VOICE.

Điền "A" nếu là câu chủ động và "P" nếu là câu bị động.

1. They grow coffee in more than 50 countries around the world. _____

2. The book was bought yesterday. _____

3. Tim was invited to Kate's birthday party. _____

4. She feeds her dogs twice a day. _____

5. My keys were lost yesterday. _____

6. The photos were taken by my dad yesterday. _____

7. They don't open the bank during the weekend. _____

8. The letter was sent two days ago. _____

9. Linda will go to America tomorrow. _____

10. When will my order be confirmed? _____

11. They go to school every day. _____

12. The wall isn't painted by him. _____

TASK 2: IDENTIFY THE OBJECTS OF THE VERBS IN THESE SENTENCES. WRITE 0 IF THERE IS NO OBJECT IN THE SENTENCE.

Xác định "Tân ngữ" của động từ trong mỗi câu sau. Câu nào không có tân ngữ thì ghi số 0.

1. She writes a letter. a letter

2. They go to school every day. 0

3. He doesn't paint the wall. _____

4. Did the mechanic fix your car? _____

5. You didn't finish your homework. _____

6. They painted their house yesterday. _____

7. We drank milk tea last night for dinner. _____

8. I will watch TV tonight. _____

9. I don't go to work today. _____

10. Their teacher gave them many tasks. _____

11. She cleaned the kitchen. _____

12. People speak English in the USA. _____

13. She passed the test with really high score. _____

14. He bought his son a book. _____

15. I'll build a hospital when I have a million dollars. _____

16. The explosion killed many people. _____

17. I will write a poem this morning. _____

18. The heavy storm damaged a lot of crops. _____

19. We will play football tomorrow. _____

20. You always come to class late. _____

TASK 3: CHANGE THE ACTIVE SENTENCES BELOW INTO PASSIVE SENTENCES. WRITE "NO CHANGE" IF THE SENTENCE CANNOT BE CHANGED.

Đổi các câu chủ động bên dưới thành câu bị động. Viết "NO CHANGE" nếu không thể thay đổi câu.

1. She writes a letter to her friend every day.

A letter is written to her friend by her every day.

2. They go to school every day.

NO CHANGE

3. He doesn't paint the wall.

4. Did the mechanic fix your car?

5. You didn't finish your homework.

6. They painted their house yesterday.

7. We drank milk tea last night for dinner.

8. I will watch TV tonight.

9. I don't go to work today.

10. Their teacher gave them many tasks.

11. She cleaned the kitchen.

12. People speak English in the USA.

13. She passed the test with a really high score.

14. He bought his son a book.

15. I'll build a hospital when I have a million dollars.

16. The explosion killed many people.

17. I will write a poem this morning.

18. The heavy storm damaged a lot of crops.

19. We will play football tomorrow.

20. You always come to class late.